

BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

Mẫu CBTT-03  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**  
Quý III năm 2009

**I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.580.689.986.018</b>	<b>1.660.339.315.102</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	272.057.532.407	292.885.980.902
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	52.517.100.000	327.931.000.000
III. Các khoản phải thu	496.489.611.305	190.580.527.311
IV. Hàng tồn kho	730.695.989.007	825.068.240.569
V. Tài sản ngắn hạn khác	28.929.753.299	23.873.566.320
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.207.655.636.912</b>	<b>1.022.295.372.688</b>
I- Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	269.211.221.772	253.214.429.902
1. Tài sản cố định hữu hình	215.839.277.263	206.434.952.818
2. Tài sản cố định thuê tài chính	740.910.748	309.711.120
3. Tài sản cố định vô hình	23.079.344.193	23.124.118.036
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.551.689.568	23.345.647.928
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	859.679.021.014	674.267.408.351
V. Tài sản dài hạn khác	78.765.394.126	94.813.534.435
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>2.788.345.622.930</b>	<b>2.682.634.687.790</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>1.597.519.964.830</b>	<b>1.978.986.668.138</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.185.437.680.415	1.700.881.038.091
II. Nợ dài hạn	412.082.284.415	278.105.630.047
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>1.145.813.737.196</b>	<b>651.873.255.331</b>



<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.133S.397.703.204</b>	<b>647.103.188.835</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	600.000.000.000	370.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	142.922.800.763	142.922.800.763
7. Quỹ đầu tư phát triển	15.676.946.078	14.205.469.788
8. Quỹ dự phòng tài chính	15.188.632.862	14.953.126.093
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.474.991	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	359.586.848.509	105.021.792.191
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>12.416.033.992</b>	<b>4.770.066.496</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.416.033.992	4.770.066.496
2. Nguồn kinh phí		-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>45.011.920.904</b>	<b>51.774.764.321</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>2.788.345.622.930</b>	<b>2.682.634.687.790</b>

## II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Năm 2009	
	Quý III	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	478.013.999.579	1.101.738.429.973
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.542.598.783	1.752.042.328
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	476.471.400.796	1.099.986.387.645
4. Giá vốn hàng bán	231.803.623.919	656.221.453.781
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ	244.667.776.877	443.764.933.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.303.887.463	52.971.236.036
7. Chi phí tài chính	4.413.614.604	14.433.425.343
- Trong đó: Chi phí lãi vay		
8. Chi phí bán hàng	14.553.995.814	39.163.822.613
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.758.995.229	30.324.875.456
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	227.245.058.693	412.814.046.488

11. Thu nhập khác	33.684.061.142	101.526.373.294
12. Chi phí khác	2.771.890.614	3.078.941.273
13. Lợi nhuận khác	30.912.170.528	98.447.432.021
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	5.407.673.090	8.891.054.814
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	263.564.902.311	520.152.533.323
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	599.236.897	1.077.329.041
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	44.584.211.647	92.549.902.893
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	218.381.453.767	426.525.301.389
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.096.449.755	2.721.968.344
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	217.285.004.012	423.803.333.045
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.621	7.063

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 10 năm 2009

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC *Ka Ock*



**TRẦN MINH PHÚ**